

## Về bài báo

### “ĐỀN QUẢ VÀ LÝ NHẬT QUANG VỊ TRI CHÂU ĐẦU TIÊN CỦA NGHỆ AN”

(Trả lời tác giả Tử Quang)

■ Huy Huyền, Dương Thị Thanh Hải

Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nghệ An số 7/2020 vừa đăng bài Trao đổi về bài viết “Đền Quả và Lý Nhật Quang - vị Tri châu đầu tiên của Nghệ An” của tác giả Tử Quang. Xin có mấy lời phúc đáp.

Trước hết, chúng tôi chân thành tạ lỗi bạn đọc và Ban biên tập Tạp chí vì sơ suất của mình. Trong bài viết *Đền Quả và Lý Nhật Quang - vị Tri châu đầu tiên của Nghệ An* công bố trên Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nghệ An số 5/2020, chúng tôi có nhầm lẫn đáng tiếc khi cho rằng Lý Thường Kiệt và Trần Nhật Duật đã từng cai quản Nghệ An. Sau khi phát hiện nhầm lẫn, chúng tôi đã kịp thời đính chính, đồng thời bổ sung một số tư liệu và đổi mới cách thể hiện trong bài *Lý Nhật Quang - vị Tri châu đầu tiên của Nghệ An* đăng trên tờ Nội san của trường Đảng tỉnh Nghệ An số tháng 5/2020; đăng lại trong Chuyên san Khoa học Xã hội và Nhân văn Nghệ An số 5/2020.

Còn những nhầm lẫn khác mà tác giả Tử Quang khẳng định, chúng tôi trao đổi lại như sau:

1. Tác giả Tử Quang viết: “...*Qua 3 bản Lịch triều hiến chương loại chí bằng nguyên văn chữ Hán, chúng ta thấy sự kiện đời Hoan Châu làm Nghệ An diễn ra vào năm Thiên Thành thứ 6 tức năm 1033 chứ không phải năm 1030 như tác giả bài viết khẳng định*”.

Thứ nhất, chúng tôi không hề khẳng định như tác giả ngộ nhận (3 lần tác giả Tử Quang lặp đi lặp lại “2 tác giả khẳng định”, “tác giả bài viết

*khẳng định*”, “tác giả bài viết đã khẳng định” !) mà có chú thích nguồn rất cụ thể: “Theo Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, Nxb Giáo dục, 2007, T1, tr.72”.

Thứ 2, để phủ nhận chúng tôi, tác giả trích dẫn phần nguyên văn chữ Hán, phiên âm và dịch nghĩa một câu lặp đi lặp lại 3 lần ở 3 bản *Lịch triều hiến chương loại chí* 歷朝憲章類誌 khác nhau của Phan Huy Chú được in trong và ngoài nước để chứng minh niên đại ra đời danh xưng Nghệ An theo các bản này là 1033 chứ không phải là năm 1030 như ý kiến của chúng tôi. Như vậy, thực chất, chính tác giả đã phủ nhận bản dịch *Lịch triều hiến chương loại chí* của Nxb Giáo dục, 2007. T1. Thật ra, bản dịch đó hoàn toàn đủ độ tin cậy do các dịch giả, người hiệu đính uy tín tiến hành, đã qua khâu khảo cứu văn bản kỹ lưỡng, được xuất bản lần đầu năm 1960. Từ đó đến nay, ngoài tác giả, chưa thấy ai phủ nhận cả! Tất cả những vị chọn mốc ra đời danh xưng Nghệ An năm 1030 đều có dẫn bản này như chúng tôi.

Tiếp đó, tác giả Tử Quang đã lập bản thống kê tỉ mỉ kê tên 2 tài liệu chọn mốc xuất hiện danh xưng Nghệ An là năm 1030; 9 tài liệu chọn năm 1036; 6 tài liệu không đề cập hoặc chọn mốc khác. Theo chúng tôi, 9 tài liệu mà tác giả dẫn ra đều là quốc sử, hoặc ra đời sau quốc sử và dựa theo quốc sử *Đại Việt sử ký toàn thư* có lẽ chưa đủ sức nặng để phủ nhận mốc chọn của 2 học giả lớn quê hương xứ Nghệ là Phan Huy Chú, Bùi Dương Lịch. Còn

lập luận của tác giả trong bài *Bàn thêm về niên đại ra đời danh xưng Nghệ An* nói trên thì lại hoàn toàn phi logic (những chỗ gạch dưới dòng trong bài này là chúng tôi nhấn mạnh): “Ở đây tôi xin nhấn mạnh Nghệ An ra đời năm *Thông Thụy thứ 3 - 1036* chứ không phải *Thiên Thành thứ 3* tức là năm 1030... Nếu như năm *Thiên Thành thứ 3 (1030)*, Hoan Châu đổi tên thành Nghệ An như sách *Nghệ An ký* đã chép, thì tại sao những năm tiếp theo trong bộ chính sử là *Đại Việt sử ký toàn thư* vẫn sử dụng cái tên Hoan Châu? Cụ thể: Năm Tân Mùi, niên hiệu Thiên Thành năm thứ 4 (1031) Châu Hoan làm phản, cho Đông cung thái tử làm Giám quốc. Quân đi từ Kinh sư đến châu Hoan, người châu ấy đầu hàng. Xuống chiếu tha tội cho các quan châu huyện, sai Trung sứ phủ dụ dân chúng. Tháng 3, vua từ châu Hoan về đến Kinh. Năm Giáp Tuất, niên hiệu Thiên Thành năm thứ 7 (1034), châu Hoan đem dâng con thú một sừng... Vậy nếu như tên Nghệ An được đổi từ năm 1030, thì tại sao trong vòng 5 năm liên tục chính sử Việt Nam vẫn nhắc vùng đó là Hoan Châu mà không phải Nghệ An, chẳng lẽ bộ sử ký lớn như vậy có giá trị như vậy mà lại sai sót đến 5 năm. Xưa nay chưa ghi

nhận một trường hợp nào như vậy cả”.

Trong bảng thống kê, tác giả đã chỉ ra Quốc sử (*Đại Việt sử ký toàn thư*) chép danh xưng Nghệ An ra đời năm Thông Thụy thứ 3 (1036) thì hoàn toàn hiển nhiên trong vòng 5 năm liên tục (trước 1036) quốc sử nhắc vùng đó là Hoan Châu mà không thể là Nghệ An! Tại sao lại bảo là “chẳng lẽ bộ sử ký lớn như vậy có giá trị như vậy mà lại sai sót đến 5 năm”. Thế chẳng lẽ các soạn giả uy tín của một bộ sử lớn đến thế lại sơ suất đến mức tự mình mâu thuẫn với chính mình!

Thật ra, việc chọn mốc xuất hiện danh xưng Nghệ An chúng tôi chỉ nhắc qua vì một là nó không phải trọng tâm đề tài của mình, hai là tin vào sự lựa chọn của lãnh đạo tỉnh trên cơ sở tham mưu của giới sử học. Khi có dịp đọc kỹ các tư liệu, bản đăng trong Chuyên san Khoa học Xã hội và Nhân văn Nghệ An số 5/2020, chúng tôi đã viết lại thận trọng hơn: “Theo Phan Huy Chú *Lịch triều hiến chương loại chí* Nxb Giáo dục, 2007, T1, tr.72; Bùi Dương Lịch *Nghệ An ký* NXB Khoa học xã hội, 2004, tr.52. Còn *Toàn thư, Cương mục* và *Đại Nam nhất thống chí* đều chép năm 1036 mới đổi Hoan Châu làm Nghệ An châu trại. Ở đây chúng tôi tạm theo kết luận của cuộc tọa đàm ngày 11/1/2003 do Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia tổ chức đề nghị chọn mốc 1030”.

2. Tác giả Tử Quang cho rằng 2 câu thơ Trần Nhân Tông chúng tôi trích dẫn:

會稽舊事君須記/ 驩愛猶存十萬兵



Đền Quả thờ Uy Minh Vương Lý Nhật Quang ở huyện Đô Lương

*Cối Kê cữ sự quân tu ký/ Hoan, Ái do tồn thập vạn binh là sai, câu sau “chính xác phải là “Hoan,Diễn” chứ không phải là “Hoan Ái”. ...Chúng tôi xem tất cả các bản Đại Việt sử ký toàn thư từ bản Nội các quan bản cho tới bản của Đại học Thiên Lý (Nhật Bản) hay như các bản chép tay, đều ghi rõ là “Hoan Diễn” chứ không phải “Hoan Ái” như bài viết đã khẳng định”.*

Tác giả đã biết 2 câu đó “*nói tiếng xưa nay, nhiều đời truyền tụng*” nhưng lại không hay 2 câu đó còn có dị bản cũng “*rất phổ biến*”, tra cứu tất cả các bản *Đại Việt sử ký toàn thư* trong và ngoài nước để kiểm tra xem có bản nào chép như câu chúng tôi trích dẫn không, nhưng ở đây, chúng tôi lại trích dẫn theo nguồn *Thơ văn Lý Trần*. Trong một cuộc hội thảo trước đây về *Danh xưng Thanh Hóa* và trong bài *Lý Nhật Quang - vị Tri châu đầu tiên của Nghệ An* đăng trên Chuyên san Khoa học xã hội và Nhân văn Nghệ An số 5/2020 đã nói ở trên, chúng tôi cũng đã trích dẫn 2 câu thơ này và có dòng chú thích: Nguồn: *Thơ văn Lý Trần* (tập II), Nxb Khoa học xã hội, 1988 như đã chú thích trong bài báo trên và viết thêm: Hai câu này còn có dị bản: *Cối Kê cữ sự quân tu ký/ Hoan Diễn do tồn thập vạn binh*.

Nếu tác giả muốn tìm chỗ sai của *Thơ văn Lý Trần* để phủ nhận chúng tôi thì phải tra cứu các bộ sưu tập thơ văn cổ như *Việt âm thi tập* của Phan Phu Tiên, *Thi gia tỉnh tuyển* của Dương Đức Nhan, *Trích diễm thi tập* của Hoàng Đức Lương, *Toàn Việt thi lục* của Lê Quý Đôn, *Hoàng Việt thi tuyển...* của Bùi Huy Bích. Nên nhớ Ngô Sĩ Liên hoàn thành *Đại Việt sử ký toàn thư* năm 1472, còn bộ sưu tập xưa nhất *Việt âm thi tập* của Phan Phu Tiên (1370-1462) hoàn thành năm 1433 trước *Đại Việt sử ký toàn thư* đến 39 năm<sup>(1)</sup>. Nếu cần đối chứng thêm, tác giả có thể đọc bài viết *Phải chăng hoạt động của vị Trạng nguyên người Nghệ đã để lại dấu ấn trong câu thơ*

*của đức vua Trần Nhân Tông* của nhà giáo Nguyễn Tâm Cảnh đăng trên Chuyên san Khoa học xã hội và Nhân văn Nghệ An cũng trích dẫn câu giống tác giả nhưng có chú thích: “*Hai câu thơ này còn có một dị bản khác cũng rất phổ biến như ở sách Thơ văn Lý Trần, Nxb Khoa học xã hội, 1977 hoặc bài “Đọc thơ Trần Nhân Tông” của Nguyễn Lương Vỹ và một số nơi khác*”<sup>(2)</sup>.

3. Tác giả Từ Quang luôn coi quan điểm của những người khác mình hoặc khác tư liệu mà mình tiếp cận được đều là nhầm lẫn! Như việc cho rằng năm mất của Trần Nhật Duật phải là 1330 chứ không phải 1331 như chúng tôi chép theo Đinh Xuân Lâm - Trương Hữu Quỳnh (CB): *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, NXB Giáo dục, 2005, tr.104. Vì các nguồn tài liệu chép không thống nhất nên có sự khác biệt là chuyện dễ hiểu!

Trích dẫn đoạn chúng tôi viết “*Ngoài ra, nhân dân Chiêm Thành nhớ ơn Lý Nhật Quang có công giúp vua Chiêm ổn định đất nước đã lập đền dưới chân núi Tam Tòa, cửa biển Thị Nại (nay thuộc phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định), gọi là đền Tam Tòa (nay chỉ còn phế tích) để thờ ông. Đây là một trong số ngôi đền cổ có niên đại tương đương với đền Quả. Vì vậy, mọi người cũng gọi ông là Tam Tòa đại vương, Đức Thánh Tam Tòa*”, tác giả cho rằng chúng tôi nhầm lẫn ở 2 điểm: 1. Tam Tòa Đại vương, Đức Thánh Tam Tòa không phải do người đời gọi. 2. Thần hiệu này chỉ xuất hiện từ thế kỷ XV trở đi.

Đã gọi là người đời hay dân gian gọi thì làm gì có niên đại cụ thể như tư liệu thư tịch. Gọi tên các vị thần ở đền miếu dân gian đâu phải chỉ biết chờ đợi các sắc phong của vua, các danh xưng Hán tự. Như đền thờ Thánh Mẫu tại xã Xuân Hồng, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh chẳng hạn, dân gian quen gọi là đền Hoàng Mười vì họ chỉ đến để cầu ông Hoàng Mười, hay gọi là đền Cũi vì ở cạnh chợ Cũi, mặc dù có dòng chữ Hán đề Thánh Mẫu chi từ 聖母之祠 (Đền Thánh Mẫu)<sup>(3)</sup>. Nói như tác giả thì trước thế kỷ XV, dân Chăm gọi vị thần họ thờ ở đền Tam Tòa là gì? Người Việt gọi Ngài thờ ở đền núi Quả là Đức Thánh Quả, người Chăm gọi Ngài thờ ở núi Tam Tòa là Đức Thánh Tam Tòa, Đại Vương Tam Tòa thì có gì là lạ? Hơn nữa, theo tác giả thì “*vua Lê Thánh Tông phong Ngài là “Thần núi Tam Tòa*”, chứ đâu phải phong là Đức Thánh Tam Tòa, Đại Vương Tam Tòa! Để khách quan hơn, xin dẫn lời của cố PGS. Ninh Viết Giao: “*...nhân dân thường gọi Ngài là Đức Thánh Tam*

Tòa... Dân Nghệ An thờ ông, gọi là Tam Tòa Đại vương... Người Chiêm Thành tưởng nhớ ân đức lập đền thờ ở dưới núi Tam Tòa, nhân dân gọi là Tam Tòa Đại vương<sup>(4)</sup>.

Theo tác giả, thần hiệu Tam Tòa đại vương, Đức Thánh Tam Tòa “chỉ xuất hiện khi vua Lê Thánh Tông nam chinh thắng lợi và phong Ngài làm “Thần núi Tam Tòa”. Chính vì vậy, thư tịch hay văn bia trước thế kỷ 15 chưa nhắc tới thần hiệu Tam Tòa. Thư tịch cổ nhất viết về Uy Minh vương là Việt điện u linh của tác giả Lý Tế Xuyên (xuất bản khoảng năm 1329) ghi thần hiệu của ngài là Uy minh Dũng liệt Hiển trung Tá thánh Phu hựu Đại vương. Tiếp đến là An Nam chí lược (hoàn thành vào khoảng năm 1335) của tác giả Lê Tắc vẫn chưa thấy ghi chép về thần hiệu Tam Tòa đại vương...”. Thật đáng tiếc, dẫn An Nam chí lược mà chưa đọc đoạn văn sau đây trong sách này: “Mùa đông năm Tân Hợi (1311), vua Trần Anh Tông đem quân đi đánh Chiêm Thành. Trong trận đánh ấy, ngự dinh của vua bị quân Chiêm Thành bao vây, đương lúc nguy cấp bỗng trời nổi giông tố, một toán quân do một tướng, mình mặc áo giáp, đầu đội mũ trụ, uy nghi ngồi trên mình ngựa kéo đến. Tướng này tả xông hữu đột, khi đến trước đoàn quân Chiêm Thành, tướng này lấy mũ trụ ra, tự xưng: “Ta là Tam Tòa Đại vương đây!”. Quân Chiêm Thành nghe nói vậy, biết là Tam Tòa Lý Nhật Quang liền bỏ khí giới, quỳ xuống lạy. Khi ngẩng đầu lên không thấy Đại vương đâu nữa”. Vua Trần Anh Tông sắc phong cho đền Quả Sơn là: “Uy Minh dũng liệt hiển trung tá thánh phu hựu Đại vương”<sup>(5)</sup>. Nhân đây cũng xin nhắc tác giả: Trước năm 1471, núi Tam Tòa còn thuộc đất Chiêm Thành, vua Đại Việt làm gì có quyền phong cho vị thần được thờ ở đây!

Lại nữa, đôi câu đối: *Tiết liệt tráng sơn hà, Hoàng Lý dĩ lai lưu chính khí/ Huân danh thù vũ trụ, Hoan Nam tùy tại mộc cao ân* 節烈壯山河皇李以來留正氣 / 勲名垂宇宙歡南隨在沐高恩. Chúng tôi dịch theo nguyên thể là: Tiết liệt mạnh sơn hà, triều Lý đến nay còn lưu chính khí/ Công danh trùm vũ trụ, châu Hoan theo đây vẫn thấm cao ân. Câu dịch này có thiếu sót là không chú thích nghĩa từ *tiết liệt*, còn những từ như *nguyên khí*, *sơn hà*, *vũ trụ* đã khá quen thuộc, dễ hiểu. Ngay cả cao ân: on cao, on sâu chúng tôi giữ nguyên để cân xứng với nguyên khí, có gì là tối nghĩa như nhận định của tác giả. Đây là dịch đối, chứ đâu phải là dịch

nghĩa như tác giả nhằm tưởng?

4. Chúng tôi quan niệm viết bài trên Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nghệ An là để phục vụ thông tin khoa học nên các thuật ngữ chuyên môn hoặc từ ngữ Hán Việt khó thường chú thích ngắn gọn, có chua thêm chữ Hán để một số ít người nếu có nhu cầu sẽ tra cứu khi cần thiết. Đây đâu phải là các Tạp chí chuyên ngành *Nghiên cứu Hán Nôm, Nghiên cứu Lịch sử!* Các từ Nghệ An 又安 chúng tôi chú ngắn gọn là thái bình vô sự; quyền Tiết Việt 節鉞 nghĩa là quyền thay mặt nhà vua định đoạt mọi chuyện chính sự tại Nghệ An, vùng đất biên viễn cực nam của nước ta bấy giờ; Khôn 閩 là ngưỡng cổng bên ngoài thành, Hoan Khôn ở đây chỉ Lý Nhật Quang là người trông coi việc quân dân miền biên viễn châu Hoan. Chú thích như vậy là hoàn toàn hợp lý và phù hợp với đối tượng độc giả của Tạp chí.

Đoạn kết tác giả Tử Quang viết: “Ngọc hữu hà tì” (Ngọc còn có vết) nên trong chuyện chữ nghĩa hay một việc nào đó nhiều khi cũng khó tránh khỏi sai sót...”. Bài viết của chúng tôi may lắm cũng chỉ là những viên gạch, viên ngói nung chín đều, có ích cho các công trình xây dựng. Bài trao đổi này cũng chỉ muốn làm sáng tỏ những chỗ bị hiểu sai, hiểu lệch. Rất mong có sự đánh giá khách quan, công bằng của bạn đọc./

#### Chú thích:

<sup>(1)</sup> Xin xem: Nguyễn Huệ Chi, mục từ "Phan Phu Tiên" trong Từ điển văn học (bộ mới), Nxb Thế giới, 2004, tr.1394.

<sup>(2)</sup> Nguồn: <http://kxhvnnghean.gov.vn/m/?x=2511/dien-dan/phai-chang-hoat-dong-cua-vi-trang-nguyen-nguoi-nghe-da-de-lai-dau-an-trong-cau-tho-cua-duc-vua-tran->

<sup>(3)</sup> Xin xem: Hồ Sĩ Hù: Đền thờ Đức Hoàng Mười ở xứ Nghệ, Tạp chí Xưa và Nay số 496 tháng 6/2018).

<sup>(4)</sup> Sở Văn hóa - Thông tin Nghệ An. Ninh Viết Giao: Tục thờ thần và thần tích Nghệ An, Vinh, 2000, tr.127, 128.

<sup>(5)</sup> An Nam chí lược (1961), Ủy ban biên dịch sử liệu Việt Nam, Viện Đại học Huế, Nxb Thuận Hóa - Huế).